

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2018

V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ N (nay là tổ H), phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ N (nay là tổ H), phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 15-4-2018, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lưu Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1988, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, ông bà chung sống cùng nhau tại tổ N (nay là tổ H), phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Ông bà chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên tác động, khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông bà không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Ông và bà T đã sống ly thân được khoảng 10 năm nay. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của ông và bà T, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là anh Lưu Văn H, sinh ngày 22-9-1988 và chị Lưu Thị Q, sinh ngày 20-01-1989, các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ các thông báo, quyết định và các văn bản khác theo quy định của pháp luật, bà T đã nhận được toàn bộ các văn bản của Tòa án nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vắng mặt lần thứ hai, bà đã bỏ mặc việc ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà; ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Nguyễn Thị Trắng mặt, bà T đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 10-7-2018. Bà T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn là bà Nguyễn Thị T cư trú tại: Tổ N (nay là tổ H), phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T tự nguyện sống chung từ 1988, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là UBND xã H, huyện K (nay là phường M, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng (có xác nhận của UBND phường H và UBND phường M về việc ông H và bà T không có đăng ký kết hôn). Như vậy, hôn nhân của ông H và bà T không được pháp luật thừa nhận.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 của Quốc hội 10 ngày 09-6-2000 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016, ông H và bà T phải đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003, việc ông H và bà T không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định pháp luật, áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục không công nhận ông Lưu Văn H và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là anh Lưu Văn H, sinh ngày 22-9-1988 và chị Lưu Thị Q, sinh ngày 20-01-1989. Cả hai con đều đã trưởng thành và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông H và bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; Điều 35; Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lưu Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Ông Lưu Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0006814 ngày 23-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

